

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I; một số nhiệm vụ, giải pháp quý II/2021

Thực hiện Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, những tháng đầu năm 2021 trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức như: hạn, mặn xuất hiện sớm, dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng xuất hiện ở một số địa phương, dịch Covid-19... đã tác động bất lợi đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước tình hình khó khăn trên, được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của Chính phủ, nỗ lực của các ngành, địa phương, doanh nghiệp và sự vượt khó của nhân dân trong tỉnh, tăng trưởng GRDP đạt 5,37%, trong đó: khu vực I tăng 19,17%, khu vực 2 giảm 3,72%, khu vực 3 tăng 5,35%, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tài chính - ngân hàng

Thu ngân sách 1.436,6 tỷ đồng, lũy kế quý I/2021 thu 2.774 tỷ đồng, đạt 27,3% dự toán, cao hơn cùng kỳ 10,3% (trong đó thu nội địa 1.422,6 tỷ đồng, đạt 28,5% dự toán, tăng 8,4% so với cùng kỳ); có 06/12 khoản thu cao hơn cùng kỳ⁽¹⁾ (cao nhất thu từ xổ số kiến thiết 636,782 tỷ đồng, đạt 48,3% dự toán, chiếm 44,8% tổng thu). Chi ngân sách 145,4 tỷ đồng, lũy kế quý I/2021 chi 1.128,6 tỷ đồng, đạt 11,6% dự toán, bằng 81,5% cùng kỳ do chi đầu tư, chi sự nghiệp y tế thấp hơn cùng kỳ⁽²⁾.

Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng, chống và hỗ trợ khắc phục khó khăn cho khách hàng vay vốn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đến nay các tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN cho 208 khách hàng, với dư nợ 36,75 tỷ đồng, doanh số cho vay mới tính từ ngày 23/01/2020 đến nay cho 2.614 khách hàng vay 2.254,99 tỷ đồng; mặt bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp⁽³⁾ tạo

¹ 6 khoản thu tăng so với cùng kỳ: (1) Thu từ khu vực DNNN 256,939 tỷ đồng (tăng 58,2%); (2) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 93,603 tỷ đồng (tăng 23,4%); (3) Thuế bảo vệ môi trường 59,933 tỷ đồng (tăng 7,48%); (4) Các loại phí, lệ phí 62,297 tỷ đồng (tăng 30,1%); (5) Các khoản thu về nhà, đất 62,177 tỷ đồng (tăng 76,4%); (6) Thu khác ngân sách 25,522 tỷ đồng (tăng 11%).

² Do BHXH tỉnh chưa đề nghị ngân sách hỗ trợ kinh phí do cấp thẻ BHYT quý I/2021.

³ Lãi suất cho vay ngắn hạn thuộc các lĩnh vực ưu tiên cao nhất là 4,5%/năm (riêng QTDND tối đa 5,5%/năm), phổ biến 4,5-9,0%/năm đối với trung - dài hạn; lãi suất cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7,5-9,0%/năm đối với ngắn hạn, 9,0-11%/năm đối với trung - dài hạn. Lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ: Đối với ngắn hạn phổ biến ở mức 3,5-4,0%/năm, đối với trung và dài hạn lãi suất phổ biến 4,2-6,5%/năm.

điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn vay tái sản xuất, trong quý I/2021 tổng vốn hoạt động của các TCTD đạt 37.000 tỷ đồng, tăng 1,26% so với cuối năm 2020, dư nợ cho vay 29.450 tỷ đồng, tăng 0,9% so với cuối năm 2020. Các chương trình, chính sách tín dụng tiếp tục được triển khai rộng rãi đến khách hàng⁽⁴⁾; nợ xấu đến cuối quý I/2021 chiếm 1,14%/tổng dư nợ (cùng kỳ 1,22%).

2. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Trong quý, tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất, nhất là chăm sóc lúa đông xuân, thả giống thủy sản, công tác phòng, chống hạn, xâm nhập mặn, dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng và cúm gia cầm; giá một số loại nông sản (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, lúa, heo hơi, dưa khô, gà thả vườn) duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của thời tiết và dịch Covid-19, giá cả một số loại hoa màu, cây ăn trái giảm mạnh. Quý I/2021, tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) nông, lâm nghiệp và thủy sản ước 6.643 tỷ đồng⁽⁵⁾, đạt 23,6% kế hoạch, tăng 16,2% so với cùng kỳ.

a) Sản xuất nông nghiệp:

* *Cây lúa*: tổng diện tích lúa gieo sạ 61.064 ha, đạt 31,4% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.600 ha, sản lượng thu hoạch 74.641 tấn; trong đó:

- Vụ mùa: xuống giống 1.330 ha (*thấp hơn cùng kỳ 933ha*), đã thu hoạch 100%, năng suất trung bình 4,86 tấn/ha (*cao hơn cùng kỳ 0,93 tấn/ha*); sản lượng 6.471 tấn, thấp hơn cùng kỳ 2.254 tấn do diện tích xuống giống bằng 58,8% so với cùng kỳ.

- Vụ đông xuân: xuống giống 59.734 ha, đạt 118,7% kế hoạch (*thấp hơn cùng kỳ 667 ha*). Nhìn chung, vụ lúa đông xuân nông dân trúng mùa, được giá, lợi nhuận cao hơn các năm trước, đến nay nông dân thu hoạch 11.861 ha, năng suất trung bình 5,75 tấn/ha, giá lúa tươi tại ruộng từ 6.800 - 7.000 đồng/kg.

* *Cây màu, công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác*: tính đến 15/3/2021, diện tích gieo trồng 20.208 ha⁽⁶⁾, đạt 39,1% kế hoạch (*thấp hơn cùng kỳ 2,1%, tương đương 434 ha*).

* *Cây lâu năm*: khuyến khích, vận động người dân chuyển đổi sản xuất, cải tạo, trồng mới 28,7 ha; đến nay có 18.350 ha cây ăn trái đang cho trái, sản lượng 93.272 tấn (*cao hơn cùng kỳ 1.135 tấn*); 20.218 ha dưa đang cho trái, sản lượng 91.800 tấn, (*cao hơn cùng kỳ 4.229 tấn*).

* *Chăn nuôi*: trong tháng 01 và tháng 02 xảy ra dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng trên địa bàn các huyện: Trà Cú, Châu Thành và thành phố Trà

⁴ Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 16.950 tỷ đồng, chiếm 57,6%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 450 tỷ đồng; cho vay DNNVV đạt 2.650 tỷ đồng; cho vay các chương trình tín dụng chính sách 2.850 tỷ đồng...

⁵ Trong đó: nông nghiệp 5.086 tỷ đồng, đạt 29,9% KH, tăng 20,9%; lâm nghiệp 66 tỷ đồng, đạt 22,1% KH, tăng 7,9%; thủy sản 1.489 tỷ đồng, đạt 13,8% kế hoạch, tăng 2,9%.

⁶ Trong đó: Màu lương thực 2.341 ha, màu thực phẩm 11.624 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 6.243 ha.

Vinh⁽⁷⁾, hiện dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới; công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm thực hiện tốt⁽⁸⁾, đàn vật nuôi phát triển khá: hiện nay tổng đàn heo đạt 198.500 con (*cao hơn cùng kỳ 79.290*); đàn bò 224.670 con (*cao hơn cùng kỳ 12.593 con*); đàn gia cầm 7,645 triệu con (*cao hơn cùng kỳ 720.000 con*).

** Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai:*

Trong tháng, các địa phương khẩn trương thi công 65 công trình thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất, nâng tổng số quý I/2021 thực hiện được 144 công trình, chiều dài 98,225 km⁽⁹⁾; công tác vận hành, điều tiết nước phục vụ sản xuất được chủ động, tuy từng thời điểm lượng nước ngọt dự trữ trong nội đồng ở mức thấp nhưng vẫn đảm bảo phục vụ sản xuất, hiện nay độ mặn ở các cống lớn ven sông Cổ Chiên và sông Hậu có xu hướng giảm và không gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.

** Xây dựng nông thôn mới:*

Công tác thông tin, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt, đã lồng ghép, tuyên truyền 390 cuộc cho 8.670 lượt người dự. Hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng Trung ương thẩm định, đề xuất Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Cà Mau đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020; tập trung thực hiện kế hoạch xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới trong năm 2021; đến nay toàn tỉnh có 69 xã, 87,9% ấp và 91,8% hộ đạt chuẩn nông thôn mới; công nhận xã Phú Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao⁽¹⁰⁾.

Các sản phẩm nông nghiệp được chú trọng hơn về chất lượng, nhãn hiệu, thương hiệu, hiện toàn tỉnh có 56 sản phẩm OCOP; trong đó: có những sản phẩm có thương hiệu, uy tín của Trà Vinh đưa ra thị trường trong nước và nước ngoài. Phong trào khởi nghiệp nông nghiệp, nông thôn từng bước có chuyển biến tốt hơn.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: đến nay quản lý và vận hành 120 trạm cấp nước, đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho người dân; lắp đặt cho 3.237 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay cung cấp cho 140.645 hộ; hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Trạm cấp nước cồn An Lộc, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè⁽¹¹⁾.

⁷ Bệnh LMLM gia súc đã xảy ra tại 62 hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Trà Cú, Châu Thành và thành phố Trà Vinh, tổng đàn mắc bệnh 285 con bò, chết 39 con; bệnh dịch tả lợn Châu Phi tại 02 hộ chăn nuôi trên địa bàn xã Song Lộc và xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tổng đàn 113 con, mắc bệnh 94 con, chết 07 con.

⁸ Đến nay, tiêm phòng LMLM 35,88 ngàn con gia súc; tiêm phòng Cúm gia cầm 369,9 ngàn con; đại chó 1.253 liều; heo tai xanh 1,5 ngàn liều; các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc trên 132,2 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 608,6 ngàn liều; sử dụng 7.347 lít hóa chất thực hiện tiêu độc khử trùng vụ Đông Xuân năm 2021 và dập dịch cho 243.522 lượt hộ chăn nuôi.

⁹ Nhiều hơn cùng kỳ 45 công trình, dài hơn 30,725km.

¹⁰ Toàn tỉnh có 03 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao (Long Đức, Tân Hùng và Phú Cần)

¹¹ Tổng mức đầu tư 6 tỷ đồng, công suất thiết kế 20m³/h đảm bảo cung cấp nước phục vụ cho 140 hộ thường xuyên bị ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn và 100 hộ phát triển trong tương lai trên cồn An Lộc, tạo điều kiện để cồn An Lộc phát triển du lịch sinh thái.

b) Lâm nghiệp:

Phát động Tết trồng cây năm 2021 tại Công ty Nhiệt điện Duyên Hải và Công an huyện Duyên Hải⁽¹²⁾; thực hiện vệ sinh phòng cháy 67 ha rừng phi lao; tổ chức 323 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 03 trường hợp vi phạm; khảo sát diện tích 1.340m² rừng đước tại ấp La Ghi, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải bị chết chưa xác định được nguyên nhân.

c) Thủy sản:

Diện tích nuôi thủy sản trong tháng 7.065 ha, nâng tổng số quý I/2021 thả nuôi 23.050 ha, đạt 40% kế hoạch, chậm hơn cùng kỳ 4.726 ha. Do ảnh hưởng thời tiết thay đổi bất thường, môi trường nước chưa ổn định, nhiệt độ chênh lệch giữa ngày và đêm lớn làm ảnh hưởng sức đề kháng và phát sinh các bệnh: đốm trắng, hoại tử gan tụy, vi bào tử trùng trên tôm nuôi, trong quý I/2021, có 41,9 triệu con tôm sú (*chiếm 6,5% lượng con giống thả nuôi, diện tích 131 ha*) và 104,2 triệu con tôm thẻ chân trắng (*chiếm 7,2% lượng con giống thả nuôi, diện tích 140 ha*) bị thiệt hại xảy ra trên địa bàn các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

Tổng sản lượng thủy - hải sản trong tháng 15.838 tấn, nâng tổng số quý thực hiện 37.979 tấn, đạt 16% kế hoạch, tăng 1,4% so với cùng kỳ, sản lượng tăng chủ yếu là cá tra, tôm sú, tôm thẻ, nghêu sò và khai thác biển; trong đó: sản lượng nuôi trồng 20.485 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ⁽¹³⁾; sản lượng khai thác 17.494 tấn, giảm 0,4%⁽¹⁴⁾; giá cả tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển... có xu hướng tăng mạnh từ đầu tháng 3 do cung không đủ cầu.

2.2. Về sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp 2.972,3 tỷ đồng, lũy kế quý I/2021 là 8.410,8 tỷ đồng, đạt 18,6% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1,2%, chỉ số sản xuất công nghiệp thấp hơn cùng kỳ 3,8%⁽¹⁵⁾. Giá trị sản xuất công nghiệp tuy thấp hơn so với cùng kỳ và giảm chủ yếu ở nhóm ngành sản xuất điện (giảm 9,1%)⁽¹⁵⁾, các nhóm ngành khác đều tăng, trong đó: nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng khá 10,4%; khai khoáng tăng 6,4% và cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,1%. Ngay sau Tết, các doanh nghiệp tập trung ổn định sản xuất, ký kết các đơn hàng, một số sản phẩm công nghiệp chế biến tăng khá như: than hoạt tính tăng 14%, thuốc viên các loại tăng 12,2%, may mặc tăng 11,7%, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 29,6%...

¹² Kết quả: trồng 400 cây xanh trong khuôn viên trụ sở Công an huyện Duyên Hải; 30 cây sanh và 500 cây phi lao trong khuôn viên của nhà máy nhiệt điện Duyên Hải.

¹³ Nuôi nước mặn, lợi tăng 17,5% (tăng 1.183 tấn); nuôi nước ngọt giảm 4,5% (giảm 592 tấn).

¹⁴ Trong đó: Khai thác biển tăng 0,8% (tăng 121 tấn); khai thác nội địa giảm 8,1% (giảm 185 tấn) do ảnh hưởng của hạn mặn, các địa phương thực hiện đóng/xả cống bọng lấy nước ngọt tưới tiêu làm thay đổi dòng chảy, ảnh hưởng đến sinh trưởng của các loài thủy sản nước ngọt, lượng thủy sản từ các sông lớn vào nội đồng sụt giảm...

¹⁵ Sản lượng điện sản xuất trong quý đạt 4,47 tỷ kWh (cùng kỳ 4,857 tỷ kWh) do Sản lượng phát điện của Dự án Điện mặt trời Trung Nam và điện mặt trời áp mái bị cắt giảm theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Công văn số 736/BCT-ĐTĐL ngày 05/02/2021 nhằm đảm bảo vận hành an toàn hệ thống điện quốc gia trong những thời điểm phụ tải xuống thấp. Bên cạnh đó, một số Tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải thực hiện sửa chữa nên phải tạm ngưng hoạt động hoặc hoạt động nhưng không hết công suất.

Phát triển điện: tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ, thủ tục triển khai các dự án điện gió, điện mặt trời⁽¹⁶⁾. Trong quý I/2021 đầu tư mới 6,78 km đường dây trung thế, 3,45 km đường dây hạ thế, 82 trạm biến áp, 462 hộ sử dụng điện; đến nay tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,13%.

2.3. Thương mại - dịch vụ

Các hoạt động phiên chợ, hội chợ, kết nối thị trường trong, ngoài tỉnh được triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy quy định về công tác phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường, thông tin kịp thời tình hình cung ứng hàng hóa trên thị trường, góp phần ổn định tâm lý người tiêu dùng, hạn chế mua hàng tích trữ trước diễn biến của dịch Covid-19.

Thị trường hàng hóa dồi dào, đa dạng, tỷ lệ hàng Việt Nam sản xuất phục vụ tiêu dùng chiếm tỷ trọng cao, có sự phối hợp của các đơn vị kinh doanh lớn như: Co.op mart, VinMart, GO, Bách Hóa Xanh... tham gia bình ổn thị trường⁽¹⁷⁾ nhằm cung ứng hàng hóa nên không xảy ra tình trạng khan hàng, sốt giá kể cả các mặt hàng phòng, chống dịch Covid-19. Trong quý I/2021 do trùng với thời điểm mua sắm Tết, cùng với các hoạt động hội chợ, chợ phiên, các chương trình khuyến mãi bằng nhiều hình thức tác động tích cực sức mua của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng 3.695,7 tỷ đồng, lũy kế quý I/2021 thực hiện 11.249 tỷ đồng, đạt 31,3% kế hoạch, tăng 12,7% so với cùng kỳ.

Thực hiện tốt các phương án vận chuyển hành khách, hàng hóa phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân gắn với kiểm soát, đảm bảo an toàn trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19; doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách trong tháng 107,665 tỷ đồng, lũy kế quý I/2021 đạt 316,921 tỷ đồng, giảm 2,1% so với cùng kỳ do vào thời điểm Tết Nguyên đán và dịch Covid-19 bùng phát mạnh, người dân hạn chế đi lại.

2.4. Xúc tiến đầu tư, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã

Tổ chức thăm, nắm tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; làm việc với Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức Chương trình họp mặt doanh nghiệp đầu năm Tân Sửu 2021. Triển khai cho 36 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở tham gia gian hàng Việt trực tuyến; phê duyệt 03 Đề án khuyến công⁽¹⁸⁾; hỗ trợ 03 doanh nghiệp⁽¹⁹⁾

¹⁶ Công tác triển khai thi công 05 dự án với công suất 270MW tại 06 vị trí (V1-1, V1-2, V1-3, V1-4, V1-5 và V1-6); hỗ trợ 04 dự án điện gió với tổng công suất 396MW đã được Bộ Công Thương phê duyệt vào Quy hoạch VII điều chỉnh thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư; tiếp tục theo dõi các dự án đề xuất danh mục Quy hoạch điện lực quốc gia (Quy hoạch VIII) của 38 dự án điện gió, điện mặt trời và điện khí, điện rác công suất 10.577 MW.

¹⁷ Tổng kinh phí các doanh nghiệp tham gia bình ổn trong dịp tết đạt 170,49 tỷ đồng.

¹⁸ “Hỗ trợ ứng dụng máy tiện CNC trong sản xuất gỗ mỹ nghệ” tại Hộ kinh doanh Long Phát – Đường Đồng Khởi, khóm 1, phường 9, TP. Trà Vinh; “Hỗ trợ ứng dụng ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất gỗ mỹ nghệ” tại Hộ kinh doanh Trần Thị Cẩm Vân - Ấp Thanh Xuyên, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú; “Hỗ trợ ứng dụng máy hút chân không trong sản xuất hủ tiếu” tại Hộ kinh doanh Thái Trường Bình - Ấp Chợ Trên, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú

¹⁹ Cty TNHH Trà Vinh Farm; Công ty TNHH CaCao MeKong; Cty TNHH chế biến dừa sáp Cầu Kè

tham gia trưng bày, bán sản phẩm tại lễ hội bánh dân gian làng du lịch Mỹ Khánh, thành phố Cần Thơ; 17 cơ sở, doanh nghiệp, HTX trong tỉnh tham gia trưng bày, giới thiệu 28 loại sản phẩm tại khu trưng bày sản phẩm đặc trưng của tỉnh nhân dịp tổ chức ngày Hội khởi nghiệp của tỉnh năm 2020; tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn nhân dịp Tết Quân - Dân tại xã Long Hiệp, huyện Trà Cú⁽²⁰⁾; triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2021.

Thành lập tổ hỗ trợ nhà đầu tư theo dõi tiến độ triển khai 03 nhóm dự án⁽²¹⁾, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai dự án đúng tiến độ. Cấp mới quyết định chủ trương đầu tư⁽²²⁾ cho 02 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 4.483,52 tỷ đồng⁽²³⁾; lũy kế quý I/2021 cấp mới quyết định chủ trương đầu tư 05 dự án trong nước, vốn đăng ký 4.499,52 tỷ đồng, so với cùng kỳ số dự án cấp mới ít hơn 04 dự án nhưng vốn đăng ký cao hơn 4.366,17 tỷ đồng (do có dự án điện gió Đông Thành 1 vốn đăng ký 4.477,52 tỷ đồng); chấm dứt hoạt động 02 dự án, vốn đầu tư 71,49 tỷ đồng⁽²⁴⁾. Trong tháng, phát triển mới 37 doanh nghiệp, giải thể 10 doanh nghiệp, tạm ngừng hoạt động 06 doanh nghiệp; lũy kế quý I/2021 phát triển mới 96 doanh nghiệp, vốn đăng ký 3.920 tỷ đồng, giải thể 31 doanh nghiệp, tạm ngừng hoạt động 41 doanh nghiệp; tỷ lệ đăng ký giao dịch qua mạng đạt 44%. So với quý I/2020, phát triển mới nhiều hơn 02 doanh nghiệp, vốn bình quân/doanh nghiệp 40 tỷ đồng/doanh nghiệp (cùng kỳ vốn bình quân 14,7 tỷ đồng/doanh nghiệp), số giải thể nhiều hơn 05 doanh nghiệp và tạm ngừng hoạt động nhiều hơn 07 doanh nghiệp.

Ban hành Chương trình hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng hướng dẫn liên ngành về tiêu chí đánh giá, phân loại hợp tác xã. Triển khai thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của

²⁰ Quy mô 60 gian hàng của 17 doanh nghiệp và 04 “Gian hàng 0 đồng” của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Trà Vinh, 04 gian hàng trưng bày các sản phẩm đặc trưng của huyện Trà Cú.

²¹ Gồm: (1) Nhóm các dự án được chấp thuận chủ trương khảo sát – 05 dự án; (2) Nhóm các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp GCN đăng ký đầu tư – 30 dự án và (3) Nhóm dự án thuộc trường hợp chấm dứt hoạt động – 01 dự án.

²² Toàn tỉnh hiện có 375 dự án đang hoạt động, triển khai đầu tư, trong đó có 334 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 116.135,20 tỷ đồng và 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD (dự án nhiệt điện 2 chiếm 2,41 tỷ USD). Trong 375 dự án, có:

- 293 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ, trong đó 31 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 290,92 triệu USD và 263 dự án đầu tư trong nước với vốn đăng ký 88.809,06 tỷ đồng.

- 45 dự án đang triển khai, trong đó 08 dự án đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký 2.815,89 triệu USD và 38 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 16.777,7 tỷ đồng.

- 31 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý với tổng vốn đăng ký 9.993,48 tỷ đồng.

- 06 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án với tổng vốn đăng ký 554,96 tỷ đồng.

²³ Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 của Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, vốn đầu tư 4.477,52 tỷ đồng; Dự án CHKD Xăng dầu của Công ty TNHH MTV XNK SX TM Dầu khí Petrol Life, vốn đầu tư 6 tỷ đồng.

²⁴ Dự án Khu thương mại và Dịch vụ Cầu Ngang của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Trà Vinh; Dự án kinh doanh vật liệu xây dựng và vận chuyển bốc dỡ hàng hóa của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tường Vy.

Thủ tướng Chính phủ. Trong quý I/2021, thành lập mới 06 HTX và 01 liên hiệp HTX, đến nay toàn tỉnh có 169 HTX⁽²⁵⁾ và 01 Liên hiệp HTX, vốn điều lệ 165,593 tỷ đồng và 28.884 thành viên. Toàn tỉnh có 2.066 tổ hợp tác, với 41.860 thành viên, trong đó trên 98% tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chủ yếu hỗ trợ về giống, kỹ thuật, thông tin, việc làm cho lao động địa phương. Nhìn chung, tổ hợp tác hoạt động chưa bền vững; HTX hoạt động yếu kém và ngừng hoạt động còn nhiều, tổ chức kiểm tra thực tế tình hình giải thể và củng cố HTX ngừng hoạt động tại các địa phương⁽²⁶⁾.

2.5. Đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tổng kế hoạch vốn năm 2021 là 2.959,198 tỷ đồng, đến ngày 12/3/2021 giải ngân 199,145 tỷ đồng, đạt 6,7% kế hoạch (*cùng kỳ giải ngân 197,654 tỷ đồng, đạt 5,2% kế hoạch*), trong đó: ngân sách tỉnh quản lý giải ngân 174,636 tỷ đồng/kế hoạch 2.243,948 tỷ đồng, đạt 7,8% kế hoạch; ngân sách huyện quản lý giải ngân 24,509 tỷ đồng/715,250 tỷ đồng, đạt 3,4% kế hoạch.

Phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát, thu thập thông tin lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục thực hiện các quy hoạch xây dựng vùng huyện của 04 huyện: Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú và Duyên Hải và quy hoạch xã nông thôn mới⁽²⁷⁾.

3. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

3.1. Giáo dục và đào tạo

Cho học sinh nghỉ Tết, nghỉ phòng, chống dịch Covid-19 nghiêm túc, đúng quy định⁽²⁸⁾; tổ chức sơ kết học kỳ I năm học 2020 - 2021; công nhận 04 trường đạt chuẩn quốc gia⁽²⁹⁾, nâng tổng số đến nay có 139 trường đạt chuẩn quốc gia (*chiếm đạt 34,3% tổng số trường*), tăng 12 trường so cùng kỳ; công nhận 9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục và xóa mù chữ năm 2020. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2020 - 2021, có 48 thí sinh dự thi⁽³⁰⁾. Tổ chức thẩm định tài liệu giáo dục, tập huấn chương trình sách giáo khoa mới lớp 1; bồi dưỡng chương trình giáo dục mới lớp 2 và lớp 6 năm học 2021 - 2022.

3.2. Khoa học và công nghệ

Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện 08 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nghiệm thu 04 đề tài; kiểm tra tình hình thực hiện 01 đề tài. Giao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh chủ trì thực

²⁵ Trong đó: Có 122 HTX nông nghiệp, 31 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ TDND.

²⁶ Do Sở KH&ĐT chủ trì, làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố từ ngày 16-22/3/2021 để kiểm tra tình hình giải thể, củng cố HTX, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình giải thể HTX.

²⁷ Đến nay có 03/07 quy hoạch vùng huyện, 83/85 quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt.

²⁸ Học sinh nghỉ học từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 21/02/2021 (trước 03 ngày so với khung kế hoạch thời gian năm học 2020-2021) để phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Riêng trường Đại học Trà Vinh cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tạm dừng đến trường từ ngày 22/02/2021 đến hết ngày 28/02/2021.

²⁹ Trường mẫu giáo Hòa Mi thị xã Duyên Hải, tiểu học Đôn Châu A, tiểu học Ngũ Lạc A huyện Duyên Hải và tiểu học Phong Thạnh A huyện Cầu Kè.

³⁰ Đạt 01 giải khuyến khích môn Địa lý, (giảm 01 giải ba và 05 giải khuyến khích so cùng kỳ)

hiện 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở⁽³¹⁾; chuyên giao kết quả thực hiện đề tài “*Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ khí tượng thủy văn và cấp độ rủi ro thiên tai khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh*” đến các sở, ngành có liên quan áp dụng thực hiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁽³²⁾. Triển khai đăng ký đề xuất dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025. Kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng hàng hóa tại 16 cơ sở; kiểm định 11.025 phương tiện đo lường các loại.

4. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

4.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Trong quý, tạo việc làm mới cho 4.350 lao động, đạt 18,9% kế hoạch; đưa 221 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng⁽³³⁾, đạt 21,6% kế hoạch. Tư vấn cho 6.901 lượt người đến tìm việc làm và 26.872 lượt lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp; tư vấn việc làm trong nước, ngoài nước cho 400 quân nhân xuất ngũ thuộc các huyện: Cầu Ngang, Càng Long, Duyên Hải và thành phố Trà Vinh; phối hợp các tỉnh: Bến Tre, Bình Dương và Thành phố Cần Thơ tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tuyến⁽³⁴⁾. Giải quyết 7.107 hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, với số tiền trên 117,65 tỷ đồng. Tổ chức 03 đoàn công tác liên ngành đến thăm, chúc Tết 30 doanh nghiệp. Triển khai Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo 10 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

4.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Tổ chức tặng quà cho 25.233 người có công với cách mạng và thân nhân của người có công⁽³⁵⁾, kinh phí trên 12,77 tỷ đồng⁽³⁶⁾; hỗ trợ đột xuất 05 trường hợp, số tiền 10 triệu đồng; giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 99 trường hợp; chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học 08 trường hợp; giải quyết chế độ tuất từ trần cho 25 trường hợp; thẩm định 31 hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập và hồ sơ đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng; giải quyết chế độ BHYT theo Quyết định 290, 62 và 49 của Thủ tướng Chính phủ cho 88 trường hợp; giải quyết chế độ mai táng phí cho 72 trường hợp là người có công với cách mạng, hội viên Hội Cựu chiến binh; khám định bệnh tật 19 trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; đề nghị Bộ Lao động - Thương

³¹ (1) Đề tài: “*Xây dựng mô hình sản xuất lươn giống (Monopterus albus) bằng phương pháp bán nhân tạo tại tỉnh Trà Vinh*”. (2) Đề tài: “*Nghiên cứu quy trình chế biến và bảo quản sản phẩm kem dừa sập đóng hộp tại tỉnh Trà Vinh*”.

³² Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn.

³³ Trong đó có 114 nữ, gồm các thị trường: Nhật Bản: 187 người, Đài Loan: 33 người, còn lại là các thị trường khác.

³⁴ Có 12 đơn vị, doanh nghiệp tham gia

³⁵ Thương binh, gia đình liệt sỹ, mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng...

³⁶ Trong đó kinh phí Trung ương 6,84 tỷ đồng, kinh phí địa phương 5,93 tỷ đồng.

binh và Xã hội cấp lại 64 Bằng Tổ quốc ghi công cho thân nhân liệt sĩ trên địa bàn huyện Càng Long.

4.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Các chính sách bảo trợ xã hội và giảm nghèo được quan tâm thực hiện, quý I/2021 đã giải quyết trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng cho 37.558 lượt đối tượng bảo trợ xã hội và hỗ trợ mai táng phí 489 đối tượng, số tiền 44,53 tỷ đồng; cấp thẻ BHYT cho 26.137 đối tượng đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho 5.127 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. Các địa phương vận động tặng quà Tết cho 12.779 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em và đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, trị giá 4,96 tỷ đồng. Tổ chức đoàn thăm và tặng quà của Chủ tịch nước và Chủ tịch UBND tỉnh cho 45 cụ 100 tuổi và 784 cụ 90 tuổi. Xây dựng Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

Trong dịp Tết Nguyên đán, tỉnh hỗ trợ 16.650 hộ cận nghèo, kinh phí gần 5 tỷ đồng từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội và Quỹ an sinh xã hội của tỉnh; các địa phương quan tâm chăm lo đời sống hộ nghèo, cận nghèo đã xuất ngân sách cấp huyện hỗ trợ 216 hộ nghèo, 435 hộ cận nghèo, số tiền trên 129,5 triệu đồng, đồng thời vận động hỗ trợ cho 10.365 lượt hộ nghèo, 10.030 hộ cận nghèo, kinh phí 10,88 tỷ đồng và trên 13,535 tấn gạo.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và lãnh đạo Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng 400 phần quà Tết cho hộ nghèo, nạn nhân chất độc da cam tại thị xã Duyên Hải và đối tượng nuôi dưỡng tại Trung tâm bảo trợ xã hội, với kinh phí hỗ trợ 471 triệu đồng; Quỹ Thiện Tâm thuộc Tập đoàn VINGROUP tặng quà Tết cho 1.000 hộ nghèo tại huyện Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và huyện Duyên Hải số tiền 600 triệu đồng. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Trà Vinh tổ chức tặng quà cho 270 hộ nghèo, số tiền 135 triệu đồng.

4.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Kịp thời nắm chắc tình hình, dư luận xã hội trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII. Nhìn chung, tình hình hoạt động của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh ổn định; chấp hành chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tổ chức thăm 172 người có uy tín đồng bào Khmer với số tiền 86 triệu đồng. Quan tâm hỗ trợ và tạo điều kiện để Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh tổ chức thi tốt nghiệp Sơ - Trung cấp Phật học năm 2020-2021. Thực hiện chi hỗ trợ một số tổ chức tôn giáo xây dựng cơ sở thờ tự và hoạt động đạo sự năm 2021.

Đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỷ, người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030. Hoàn thành công tác điều tra, nhập dữ liệu vào phần mềm quản

lý trẻ em của 08 huyện, thị xã. Đoàn công tác của Tổ chức CARE thực hiện giám sát, đánh giá dự án P4EM triển khai trên địa bàn tỉnh từ năm 2018 – 2020. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 – 2025; triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ năm 2021.

4.5. Công tác phòng chống dịch Covid-19

Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy về phòng chống dịch Covid-19, đến ngày 12/3/2021 tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly trên toàn tỉnh là 2.701 trường hợp⁽³⁷⁾, đã hoàn thành cách ly 2.571 trường hợp⁽³⁸⁾. Hiện tại, toàn tỉnh cách ly tập trung 128 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 02 trường hợp. Tất cả các trường hợp cách ly có sức khỏe ổn định. Về điều trị người bị nhiễm SARS-CoV-2: Đã điều trị cho 08 bệnh nhân⁽³⁹⁾, các trường hợp đều do nhập cảnh từ nước ngoài về Việt Nam, được cách ly và điều trị tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Trà Vinh.

4.6. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong quý I, khám, chữa bệnh cho 461.871 lượt bệnh nhân, giảm 7,5% so cùng kỳ; phát hiện và điều trị khỏi 106 ca bệnh tay chân miệng (*tăng 43,2% so cùng kỳ*) và 121 ca sốt xuất huyết (*tăng 10% so cùng kỳ*). Công tác bảo đảm An toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện thường xuyên⁽⁴⁰⁾; thành lập 118 đoàn kiểm tra an toàn thực phẩm, phát hiện 164 trường hợp vi phạm⁽⁴¹⁾ (*chiếm 9,4% số cơ sở được kiểm tra*). Thực hiện 87 lượt kiểm tra, lấy 90 mẫu tân dược, dược liệu, đông dược tại các nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc và Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm⁽⁴²⁾; tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, sơ cấp cứu tại chỗ cho 97 cán bộ y tế tuyến huyện và xã; 02 lớp tập huấn kỹ năng chẩn đoán điều trị về chuyên môn trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho 77 cán bộ y tế xã, phường, thị trấn; tổ chức Hội nghị biểu dương 110 cặp gia đình thực hiện tốt chính sách Dân số - KHHGD không sinh con thứ 3.

4.7. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ công tác tuyên truyền bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; chương trình nghệ thuật mừng Đảng - mừng Xuân Tân Sửu năm 2021. Hỗ trợ Đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình Âm thực đường phố, với chủ đề “*Âm thực*

³⁷ Trong đó cách ly tại cơ sở y tế 26 trường hợp, cách ly tập trung 2.124 trường hợp và cách ly tại nhà, nơi cư trú 551 trường hợp.

³⁸ Hoàn thành cách ly tại cơ sở y tế 26 trường hợp, cách ly tập trung 1.996 trường hợp và cách ly y tế tại nhà 549 trường hợp.

³⁹ Trong đó: tỉnh An Giang (03 người), TP.HCM (02 người), tỉnh Nghệ An (01 người), huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh (01 người) và tỉnh Hải Phòng (01 người).

⁴⁰ Đối với sự việc liên quan thực phẩm xảy ra tại Công ty cổ phần Sofa Hoa Sen trong khu công nghiệp Long Đức, thành phố Trà Vinh, kết quả điều tra cho thấy đây là vụ dị ứng Histamine có trong cá biển, không phải ngộ độc thực phẩm.

⁴¹ xử lý hành chính 6 trường hợp, còn lại nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục; ban hành quyết định thu hồi sản phẩm đối với 24 cơ sở sản xuất nước uống đóng chai.

⁴² Kết quả tất cả mẫu đều đạt tiêu chuẩn.

Nam bộ ở Côn Chim - Trà Vinh”. Hoàn thành xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh⁽⁴³⁾. Tổ chức 17 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quảng cáo, “Game bắn cá” tại 91 cơ sở.

Trong quý có 206.740 lượt khách tham quan du lịch và lưu trú (giảm 17,8% so cùng kỳ, đạt 18,8% kế hoạch), trong đó có 3.590 lượt khách quốc tế; doanh thu 65,25 tỷ đồng (giảm 14,3% so cùng kỳ, đạt 14,5% kế hoạch); công suất phòng bình quân đạt 42,3% (giảm 18,3% so cùng kỳ). Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến nay đã hỗ trợ cho 09 đơn vị với số tiền hơn 1,24 tỷ đồng.

5. Tài nguyên và môi trường

Trong quý I/2021, triển khai thực hiện chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư 27 công trình⁽⁴⁴⁾; tiếp nhận 25.992 hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục về đất đai, giải quyết hoàn thành 21.358 hồ sơ, đạt 82,2%⁽⁴⁵⁾. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 47 thửa đất, diện tích 8,47 ha⁽⁴⁶⁾. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm đầu (2021) 09/09 đơn vị cấp huyện⁽⁴⁷⁾. Theo dõi, giám sát công tác bảo vệ môi trường của Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải; tổ chức kiểm tra sự cố phát tán bụi tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của 4 dự án. Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, viễn thám trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

6. Thông tin và truyền thông

Thực hiện nghiêm túc công tác đảm bảo an toàn thông tin, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII và dịp Tết Nguyên đán; tập trung công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Kỷ niệm 75 năm Ngày Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội Việt Nam (06/01/1946-06/01/2021); tuyên truyền Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Ban hành Chương trình Nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông tỉnh Trà Vinh; kế hoạch thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

7. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Tích cực triển khai các hoạt động chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 – 2026, thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026.

⁴³ Di tích chùa Bà Giям và chùa PLa Pang, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải. Nâng đến nay có 15 di tích cấp quốc gia, 32 di tích cấp tỉnh.

⁴⁴ Tổng số công trình được giao GPMB trong năm 2021 là 50 công trình, còn 23 công trình đang thực hiện thủ tục phê duyệt phương án bồi thường GPMT, hỗ trợ tái định cư.

⁴⁵ Trong đó, Số còn lại đang được tiếp tục giải quyết.

⁴⁶ Nâng tổng số đạt 99,34% diện tích cần cấp giấy

⁴⁷ Đang thẩm định, phê duyệt Kế hoạch của huyện Càng Long và TP Trà Vinh.

Hoàn thành chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 tỉnh Trà Vinh; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động về tăng cường công tác “*Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các Chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI năm 2021 và những năm tiếp theo*”. Sơ kết thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU, Kế hoạch số 71-KH/TU, Kế hoạch số 72-KH/TU của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); rà soát, kiện toàn tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Hoàn thành tổ chức kỳ thi tuyển công chức năm 2020⁽⁴⁸⁾. Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua yêu nước năm 2020 và phát động phong trào thi đua yêu nước năm 2021.

Tổ chức 74 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành tại 40 tổ chức và 624 cá nhân, xử phạt vi phạm hành chính 68 trường hợp với số tiền trên 487,9 triệu đồng. Tiếp 949 lượt người đến khiếu nại, tố cáo; tiếp nhận 77 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện xử lý, giải quyết 08/14 đơn thuộc thẩm quyền (7/12 đơn khiếu nại, 01/02 đơn tố cáo); giải quyết đơn phản ánh kiến nghị đạt 90,2%, đơn yêu cầu đạt 50,8%; đơn tranh chấp đạt 26%.

8. Về quốc phòng, an ninh

Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm tình hình, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, bảo vệ an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn. Tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng tỉnh Trà Vinh (02/3/1961 - 02/3/2021), Lễ giao nhận 951 quân⁽⁴⁹⁾ lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc năm 2021 trang trọng, an toàn, tiết kiệm. Tập trung công tác thông tin, tuyên truyền và làm căn cứ công dân⁽⁵⁰⁾; ra mắt hệ thống trang Zalo của công an tỉnh⁽⁵¹⁾; triển khai kế hoạch huấn luyện giai đoạn 1/2021.

Về quản lý kinh tế, phát hiện 15 trường hợp vi phạm⁽⁵²⁾, lũy kế quý I phát hiện 51 vụ (nhiều hơn cùng kỳ 18 vụ), khởi tố 02 vụ, 02 bị can về tội buôn bán, vận chuyển hàng cấm (ít hơn cùng kỳ 02 vụ), phạt vi phạm hành chính 39 trường hợp, số tiền 479 triệu đồng.

Kiểm tra, phát hiện 26 trường hợp vi phạm về môi trường, tài nguyên, an

⁴⁸ Triển khai thực hiện từ năm 2020 đến nay. Hiện đang tổng hợp danh sách trúng tuyển

⁴⁹ Trong đó có một nữ công dân, 310 công dân là người dân tộc Khmer, 52 thanh niên có trình độ Đại học, Cao đẳng và Trung cấp, sức khỏe đạt loại 1 và 2 chiếm 47,10%, có 16 thanh niên là đảng viên. Huyện Càng Long là huyện được Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự tỉnh chọn tổ chức truyền hình trực tiếp lễ giao nhận quân và là đơn vị điểm để rút kinh nghiệm cho công tác tuyển quân của tỉnh năm 2022.

⁵⁰ Hiện tại, Công an Trà Vinh có 20 tổ công tác lưu động ở địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và 01 tổ cố định tại phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh phục vụ người dân từ 6 giờ sáng đến 21 giờ đêm, kể cả ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày Lễ để đảm bảo cấp căn cước công dân gắn chip điện tử.

⁵¹ Thực hiện theo 03 cấp từ tỉnh đến xã, là công cụ tương tác trực tiếp với người dân, hướng dẫn thủ tục hành chính, kết hợp thông tin tuyên truyền, cung cấp cả thông tin liên quan đến lực lượng công an...

⁵² Thu giữ 3.810 bao thuốc lá ngoại và tạm giữ một số hàng hóa khác; khởi tố 02 vụ vận chuyển hàng cấm; phạt vi phạm hành chính 13 trường hợp, số tiền 122 triệu đồng.

toàn thực phẩm, lũy kế quý I phát hiện 70 trường hợp vi phạm (*nhiều hơn cùng kỳ 23 vụ*), phạt vi phạm hành chính 12 vụ, số tiền 254 triệu đồng.

Phát hiện, bắt 07 vụ, 07 đối tượng phạm tội về ma túy, lũy kế quý I phát hiện 33 vụ (*nhiều hơn cùng kỳ 09 vụ*), bắt xử lý 39 đối tượng, thu giữ 258,231 gam ma túy tổng hợp, 0,55 gam heroin.

Xảy ra 18 vụ tội phạm về trật tự xã hội, lũy kế quý I xảy ra 47 vụ, bắt xử lý 78 đối tượng (*nhiều 05 vụ so với cùng kỳ*).

Phát hiện, triệt xóa 134 vụ tệ nạn xã hội, lũy kế quý I, đã triệt xóa 312 vụ, 1.680 đối tượng (*nhiều hơn cùng kỳ 114 vụ*); thu gom, tiêu hủy 2.200 tờ rơi quảng cáo có liên quan đến hoạt động “*tín dụng đen*”; kiểm tra 207 lượt cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử “*game bắn cá*”, phát hiện 03 đối tượng đánh bạc trái phép.

Xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 03 người; trong quý, xảy ra 11 vụ, làm 12 người chết, 04 người bị thương (*giảm 01 vụ, tăng 02 người chết, giảm 01 người bị thương*); tuần tra, kiểm soát giao thông 1.680 cuộc, phát hiện 6.699 trường hợp vi phạm.

Trong quý I, xảy ra vụ cháy kho chứa vật tư Công ty Viettel tại thị xã Duyên Hải, ước thiệt hại khoảng 1,5 tỷ đồng (*giảm 03 vụ so với cùng kỳ*).

Tóm lại, trong quý I tình hình kinh tế - xã hội ổn định, các ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 và ổn định sản xuất; tình hình sản xuất của người dân, doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã được các cấp chính quyền quan tâm; sản xuất nông nghiệp, thương mại – dịch vụ, thu nội địa tăng khá; chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ kỳ thứ 19 - tổng kết nhiệm kỳ 2016 - 2020 của HĐND tỉnh khóa IX; công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống dịch Covid-19, công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được thực hiện nghiêm túc; các chính sách trong đồng bào dân tộc, tôn giáo, người có công, chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo được thực hiện kịp thời; các hoạt động chính trang đô thị, vệ sinh môi trường được quan tâm thực hiện tốt; công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin liên lạc được đảm bảo an toàn, thông suốt.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: việc xây dựng các Chương trình cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI còn chậm; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến một số ngành, lĩnh vực; độ mặn trên các tuyến sông chính diễn biến bất thường, dịch tả lợn châu Phi, bệnh lở mồm long móng xảy ra và tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết tăng so với cùng kỳ; công tác giải phóng mặt bằng các công trình điện, kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp đã được thành lập còn chậm; vi phạm về quản lý kinh tế, vi phạm về môi trường, ma túy, tội phạm về trật tự xã hội, tệ nạn xã hội cao hơn cùng kỳ; tỷ lệ giải quyết đơn yêu cầu, tranh chấp còn thấp.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUÝ II/2021

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021; trong quý II, tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Hoàn chỉnh các Chương trình cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; chủ động chuẩn bị các nội dung theo Chương trình làm việc năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI; xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Theo dõi, đôn đốc đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021. Tổng kết đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan đến phát triển kinh tế.

2. Tập trung, dồn sức thực hiện “nhiệm vụ kép” vừa chống dịch Covid-19, vừa ổn định sản xuất phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế về công tác phòng, chống dịch Covid-19; tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng nhập cảnh, vượt biên trái phép gây ra lây nhiễm Covid-19 trong cộng đồng.

3. Chủ động ứng phó hạn, mặn, điều chỉnh lịch thời vụ các vụ lúa, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thực tế các địa phương; đẩy nhanh tiến độ thi công nạo vét các công trình thủy lợi nội đồng; kiểm tra cống, bọng, thường xuyên theo dõi và thông báo kịp thời để nông dân chủ động trữ nước ngọt phục vụ sản xuất. Tập trung công tác tiêm phòng, theo dõi chặt chẽ, xử lý kịp thời dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi, nhất là dịch tả lợn châu Phi, lở mồm long móng, cúm gia cầm. Thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng cháy rừng mùa khô 2021; tăng cường hướng dẫn nông dân chăm sóc tôm nuôi theo quy trình kỹ thuật; tổ chức các hoạt động nhân kỷ niệm 62 năm ngày truyền thống Nghề cá Việt Nam (01/4/1959 - 01/4/2021).

Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 và triển khai kế hoạch năm 2021; ưu tiên bố trí nguồn lực, hỗ trợ huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới. Xây dựng Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm và Đề án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021 – 2025. Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030 theo Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển kinh tế tập thể tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục sau cấp chứng nhận đầu tư; kiểm tra, đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án. Xây dựng Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu

kinh tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (thay thế Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh), Đề án “Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật phục vụ hoạt động khởi nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”, Kế hoạch khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022 – 2025. Triển khai Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030, Kế hoạch chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ giai đoạn 2021 - 2025

5. Hoàn tất chuyển nguồn ngân sách năm 2020 sang năm 2021; tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư và công tác triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2021; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; tập trung xử lý nợ xấu, nhất là đối tượng khách hàng theo Nghị định 67 của Chính phủ về chính sách phát triển thủy sản.

6. Xây dựng phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2021, phương án tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2021 – 2022. Tổ chức tuyển chọn, nghiệm thu và triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo kế hoạch. Thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND. Tăng cường công tác quản lý về sở hữu trí tuệ; công tác khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

7. Tập trung công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động năm 2021. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là các giải pháp hỗ trợ cho hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh. Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và người cao tuổi; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030.

8. Tích cực giám sát dịch tễ; tuyên truyền phòng, chống bệnh tay chân miệng và bệnh sốt xuất huyết, nhất là vào đầu mùa mưa. Tăng cường bảo đảm ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm; xây dựng kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2021.

9. Tập trung tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân, nhất là trong dịp Giỗ Tổ Hùng Vương và kỷ niệm 46 năm ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4/1975 – 30/4/2021. Tổ chức thăm, chúc mừng, tặng quà các chùa, gia đình chính sách, người có uy tín, chức sắc, chức việc và nhà tu hành Phật giáo nhân dịp Chôl Chnam Thmây năm 2021 của đồng bào Khmer, lễ Phật đản; đạo Công giáo và Tin Lành nhân dịp lễ Phục sinh. Tạo điều kiện thuận lợi để Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp

huyện tiến hành Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện nhiệm kỳ 2021 - 2016 theo chỉ đạo của Ban Tôn giáo Chính phủ. Ban hành Kế hoạch Tổ chức Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021 - 2030.

10. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026. Tổng kết đánh giá thi hành Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh; triển khai xây dựng quy hoạch vùng tỉnh; đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng Kế hoạch sử dụng đất 05 năm thời kỳ (2021-2025) của tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 cấp huyện. Giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng sản.

11. Công bố kết quả chấm điểm, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính năm 2020; hoàn thành khảo sát, đánh giá “*Mô hình chính quyền công sở thân thiện, trách nhiệm năm 2020*” của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Triển khai điều tra cơ sở hành chính năm 2021. Xây dựng Đề án và tổ chức thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên và thi thăng hạng viên chức hành chính.

12. Đấu tranh, ngăn chặn xử lý thông tin chống phá bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tăng cường trực sẵn sàng chiến đấu nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tiếp tục triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề “Người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy, vi phạm nồng độ cồn”./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Vụ IV - VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU, TTHĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. *04*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU QUÝ I NĂM 2021

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	ƯTH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	2,515.052	10,177.910	1,436.638	2,774.241	27.26	110.31
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	<i>1,312.698</i>	<i>5,000.000</i>	<i>463.688</i>	<i>1,422.675</i>	<i>28.45</i>	<i>108.38</i>
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	1,384.289	9,737.160	145.363	1,128.625	11.59	81.53
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	9		2	5		55.56
	- Số dự án trong nước	Dự án	9		2	5		55.56
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	133.35		4,483.52	4,499.52		3,374.22
	- Số dự án FDI	Dự án	0	3	0	0		
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.00	250	0.00	0.00		
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	95	500	37	96	19.20	101.05
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		89		13	63		70.79
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	1,396.0		1,139.0	3,920.0		280.80
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	463		63	255		55.08
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	408		272	1,789		438.48
	- Giải thể	DN	19		10	31		163.16

(1) Đến nay có 375 dự án đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 334 dự án trong nước với vốn đăng ký 116.135,20 tỷ đồng, 41 dự án FDI với vốn đăng ký 3.106,81 triệu USD

(2) Đến nay, toàn tỉnh có 2.993 doanh nghiệp, vốn 42.916 tỷ đồng, 100.210 lao động (trong đó có 44 doanh nghiệp FDI)



Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN QUÝ I NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/03	Kế hoạch	Cùng kỳ
	GTSX NÔNG, LÂM, THỦY HẢI SẢN (GIÁ SO SÁNH 2010)	Tỷ đồng	5,715.93	28,104		6,643.02	23.64	116.22
	GTSX nông nghiệp	"	4,206	17,005		5,087	29.91	120.93
	GTSX Lâm nghiệp	"	61.42	300		66.32	22.11	107.98
	GTSX thủy, hải sản	"	1,448	10,799		1,490	13.80	102.88
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	83,361	245,996	5,325	81,272	33.04	97.49
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	64,408	198,146	520	62,807	31.70	97.51
	- Diện tích thu hoạch	ha	13,979	198,146	12,706	13,946	7.04	99.77
	- Sản lượng	Tấn	79,889	1,105,484	72,728	78,576	7.11	98.36
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	62,720	194,346	0	61,064	31.42	97.36
	- Diện tích thu hoạch	Ha	13,227	194,346	12,138	13,191	6.79	99.73
	- Năng suất	Tấn/ha	5.75	5.58	5.75	5.66	101.39	98.46
	- Sản lượng	Tấn	76,019	1,084,584	69,769	74,641	6.88	98.19
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2,263			1,330		58.77
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214		719	1,330		60.07
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94			4.87		123.46
	- Sản lượng	Tấn	8,726		3,767	6,471		74.16
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	50,346		59,734	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,013	50,346	11,419	11,861	23.56	107.70
	- Năng suất	Tấn/ha	6.11	6.60	5.78	5.75	87.08	94.06
	- Sản lượng	Tấn	67,293	332,284	66,002	68,170	20.52	101.30
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha		74,000			-	
	- Diện tích thu hoạch	Ha		74,000			-	
	- Năng suất	Tấn/ha		5.20			-	
	- Sản lượng	Tấn		384,800			-	
d	Lúa Thu đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha		70,000			-	
	- Diện tích thu hoạch	Ha		70,000			-	
	- Năng suất	Tấn/ha		5.25			-	
	- Sản lượng	Tấn		367,500			-	
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	20,641	51,650	5,325	20,208	39.12	97.90

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/03	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích thu hoạch	Ha	10,291	51,650	7,085	10,382	20.10	100.89
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.55	25.53	21.50	21.29	83.40	94.42
	- Sản lượng	Tấn	232,053	1,318,608	152,308	221,039	16.76	95.25
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,534	6,170	673	2,341	37.94	92.36
	- Diện tích thu hoạch	Ha	948	6,170	687	883	14.32	93.16
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	7.34	9.71	7.09	6.79	69.92	92.48
	- Sản lượng	Tấn	6,959	59,895	4,876	5,995	10.01	86.15
	Trong đó:							
	+ <i>Bắp:</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,688	3,800	520	1,743	45.86	103.23
	- Diện tích thu hoạch	Ha	752	3,800	568	755	19.88	100.49
	- Năng suất	Tấn/ha	5.15	5.50	5.21	5.21	94.73	101.17
	- Sản lượng	Tấn	3,871	20,900	2,959	3,935	18.83	101.67
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	494	1,250	52	264	21.15	53.51
	- Diện tích thu hoạch	Ha	123	1,250	68	76	6.10	61.83
	- Năng suất	Tấn/ha	16.13	16.20	16.30	16.33	100.81	101.24
	- Sản lượng	Tấn	1,989	20,250	1,102	1,245	6.15	62.60
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	201	670	66	195	29.07	97.12
	- Diện tích thu hoạch	Ha	34	670	27	27	4.09	81.34
	- Năng suất	Tấn/ha	15.52	17.50	15.74	15.74	89.94	101.42
	- Sản lượng	Tấn	523	11,725	431	431	3.68	82.49
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	151	450	35	139	30.85	91.64
	- Diện tích thu hoạch	Ha	40	450	24	24	5.41	61.52
	- Năng suất	Tấn/ha	14.55	15.60	15.74	15.74	100.90	108.18
	- Sản lượng	Tấn	576	7,020	383	383	5.46	66.55
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,280	31,980	2,168	11,624	36.35	103.05
	- Diện tích thu hoạch	Ha	7,451	31,980	5,061	7,783	24.34	104.45
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.53	22.19	22.70	22.68	102.20	100.68
	- Sản lượng	Tấn	167,847	709,638	114,884	176,496	24.87	105.15
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	11,053	31,500	2,089	11,475	36.43	103.82
	- Diện tích thu hoạch	Ha	7,414	31,500	5,039	7,752	24.61	104.56
	- Năng suất	Tấn/ha	22.63	22.50	22.79	22.76	101.16	100.57
	- Sản lượng	Tấn	167,782	708,750	114,846	176,443	24.89	105.16
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	227	480	79	149	30.97	65.58
	- Diện tích thu hoạch	Ha	37	480	21	30	6.30	81.76

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/03	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Năng suất	Tấn/ha	1.76	1.85	1.78	1.78	96.22	101.14
	- Sản lượng	Tấn	65	888	38	54	6.06	82.69
c	Cây công nghiệp ngắn ngày							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,827	13,500	2,484	6,243	46.24	91.44
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,891	13,500	1,337	1,716	12.71	90.73
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	30.27	40.67	24.34	22.46	55.23	74.21
	- Sản lượng	Tấn	57,247	549,075	32,548	38,548	7.02	67.34
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	602	1,200	291	331	27.56	54.92
	- Diện tích thu hoạch	Ha	260	1,200	70	70	5.83	26.92
	- Năng suất	Tấn/ha	95.25	100.00	95.37	95.37	95.37	100.13
	- Sản lượng	Tấn	24,765	120,000	6,676	6,676	5.56	26.96
	+ <i>Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,362	4,500	979	3,370	74.90	100.26
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,088	4,500	893	1,109	24.63	101.86
	- Năng suất	Tấn/ha	5.42	5.35	5.40	5.42	101.33	100.07
	- Sản lượng	Tấn	5,896	24,075	4,824	6,009	24.96	101.93
	+ <i>Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	794	2,500	351	771	30.85	97.10
	- Diện tích thu hoạch	Ha	150	2,500	44	163	6.53	108.88
	- Năng suất	Tấn/ha	10.87	12.00	10.90	10.92	91.00	100.43
	- Sản lượng	Tấn	1,631	30,000	480	1,783	5.94	109.35
	+ <i>Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,069	5,300	864	1,771	33.41	85.58
	- Diện tích thu hoạch	Ha	393	5,300	330	374	7.06	95.21
	- Năng suất	Tấn/ha	63.50	70.75	62.35	64.35	90.95	101.34
	- Sản lượng	Tấn	24,956	375,000	20,569	24,079	6.42	96.49
d	Cây lâu năm							
	- Cây dứa	Tấn	87,571	306,000		91,800	30.00	104.83
	- Cây ăn trái	Tấn	92,138	262,000		93,272	35.60	101.23
3	Chăn nuôi							
	- Đàn heo	Con	119,210	220,000		198,500	90.23	166.51
	- Đàn bò, trâu	Con	212,077	220,000		224,670	102.12	105.94
	- Đàn gia cầm	ngàn con	6,925	7,500		7,645	101.94	110.40
B	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	37,452	237,580	15,838	37,979	15.99	101.41
	Trong đó : - Tôm các loại	"	7,903	78,330	4,955	9,109	11.63	115.26
	- Sản lượng Khai thác	Tấn	17,558	79,380	6,499	17,494	22.04	99.64
	+ Khai thác hải sản (mặn, lợ)	Tấn	15,284	71,500	5,974	15,405	21.55	100.79
	Trong đó: - Tôm các loại	"	1,190	6,000	422	1,552	25.87	130.45
	- Cá các loại	"	9,166	40,000	3,020	7,732	19.33	84.35
	- Hải sản khác	"	4,929	25,500	2,532	6,121	24.00	124.20

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/03	Kế hoạch	Cùng kỳ
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)	Tấn	2,274	7,880	526	2,089	26.51	91.89
	Trong đó: - Tôm các loại	"	205	630	156	261	41.48	127.46
	- Cá các loại	"	441	1,850	208	458	24.76	103.95
	- Thủy sản khác	"	1,628	5,400	162	1,370	25.37	84.14
	- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	19,894	158,200	9,339	20,485	12.95	102.97
	Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	6,746	78,500	4,410	7,928	10.10	117.53
	- Tôm sú	"	1,137	12,500	1,090	1,575	12.60	138.52
	- Tôm thẻ chân trắng	"	4,739	56,800	3,039	5,255	9.25	110.89
	- Cua biển	"	825	7,000	281	767	10.96	92.98
	- Thủy sản khác	"	45	2,200		331	15.06	737.86
	+ Vùng nước ngọt	"	13,149	79,700	4,928	12,557	15.75	95.50
	- Tôm càng xanh	"	632	2,400	248	465	19.39	73.66
	- Cá lóc	"	9,478	48,300	2,590	8,651	17.91	91.28
	- Cá tra, cá ba sa	"	955	6,000	1,128	1,149	19.15	120.31
	- Cá các loại	"	2,084	23,000	962	2,291	9.96	109.92
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	27,325	57,600	7,065	23,050	40.02	84.35
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	27,031	53,400	6,940	22,786	42.67	84.30
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	12,560	23,000	3,204	10,540	45.83	83.92
	- Tôm thẻ chân trắng	"	2,046	9,500	643	1,814	19.10	88.70
	- Nuôi cua biển	"	12,425	19,000	3,093	10,432	54.90	83.96
	- Thủy sản khác	"		1,900			-	
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	295	4,200	126	264	6.28	89.42
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	10,394		3,043	9,199		88.50
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	657		174	397		60.43
	- Diện tích thả nuôi	Ha	12,560		3,204	10,540		83.92
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	239		54	131		54.80
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	755,480		210,260	645,977		85.51
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	58,560		13,206	41,921		71.59
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	7.75		6.28	6.49		83.72
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	5,905		2,088	5,806		98.32
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1,185		264	531		44.81
	- Diện tích thả nuôi	Ha	2,046		643	1,814		88.70
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	358		65	140		39.11
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	#####		518,158	1,441,216		122.75
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	362,125		56,715	104,205		28.78
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	30.84		10.95	7.23		23.44



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI QUÝ I NĂM 2021

T T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 03	ƯTH Quý I	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	8,508.751	45,145.000	2,972.274	8,410.783	18.63	98.85
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	3.750	13.220	1.309	3.990	30.18	106.40
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	3,412.937	16,492.000	1,263.148	3,767.714	22.85	110.40
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	5,024.855	28,326.900	1,684.768	4,569.805	16.13	90.94
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	67.209	312.880	23.050	69.274	22.14	103.07
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	2,243	11,500	747	1,907	16.59	85.06
2	Đường kết	Tấn	11,163	15,000	3,000	3,589	23.93	32.15
3	Than hoạt tính	Tấn	1,848	7,800	690	2,107	27.01	114.02
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	181	1,002	63	204	20.32	112.24
5	May mặc(quần áo các loại)	1000chiếc	1,211	19,488	476	1,353	6.95	111.73
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	508	2,000	173	532	26.60	104.64
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	7,438	32,800	2,615	7,887	24.05	106.04
8	Gạo xay xát	Tấn	76,137	749,834	26,870	78,511	10.47	103.12
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	2,351	11,235	989	3,047	27.12	129.60
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	790	3,725	218	706	18.96	89.41
11	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	249	1,300	84	251	19.30	100.71
12	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	4,857	26,748	2,033	4,471	16.71	92.05
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.16	99.20		99.13	99.93	99.97
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	4,250	1,422	71	462	32.49	10.87
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	9,985.76	36,000.00	3,695.71	11,249.01	31.25	112.65
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	6,859.09	24,787.44	2,576.85	7,922.62	31.96	115.51
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	1,619.97	5,820.00	613.27	1,820.43	31.28	112.37
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	7.25	23.20	2.41	7.17	30.90	98.83
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	1,499.44	5,369.36	503.18	1,498.79	27.91	99.96